

- Sốc phản vệ là tai biến nặng sau tiêm vaccine phòng COVID-19 (87,3%).

- Có 66,5% sinh viên nghĩ rằng với trường hợp xảy ra tai biến nặng sau tiêm vaccine cần đến bệnh viện ngay để được cấp cứu kịp thời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Khánh Liên, Lê Đình Tuyền và Đoàn Ngọc Thủy Tiên (2022). Thực trạng về phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam. 2022:6.
2. Đặng Thị Soa, Nguyễn Thị Hồng Thanh, Trần Thị Oanh (2022). Khảo sát kiến thức, thái độ, biến cố bất lợi sau tiêm vaccin COVID-19. Tạp chí Y học Việt Nam.
3. Ashish Joshi MK, Ritika Kaur, Ashoo Grover, Denis Nash and Ayman El-Mohandes (2021). Predictors of COVID-19 Vaccine Acceptance, Intention, and Hesitancy: A Scoping Review. Frontier in Public Health.
4. Md. Saiful Islam ABS, Rejina Akter, Rafia Tasnim, et al (2021). Knowledge, attitudes and perceptions towards COVID-19 vaccinations: a cross-sectional community survey in Bangladesh. BMC Public Health.
5. Paul L Reiter MLP and Mira L Katz (2020). Acceptability of a COVID-19 vaccine among adults in the United States: How many people would get vaccinated? Pubmed.

MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HÀNH PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 CỦA SINH VIÊN CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG, TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ THÁI BÌNH

TÓM TẮT

Nguyễn Hà My^{1*}

Mục tiêu: Xác định một số yếu tố liên quan đến thực hành phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên cao đẳng Điều dưỡng, Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình năm 2020. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên cao đẳng Điều dưỡng thuộc hệ chính quy dài hạn của Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình.

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp dịch tễ học mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang.

Kết quả nghiên cứu: Tỷ lệ sinh viên nam (22,7%) thấp hơn so với sinh viên nữ (77,3%). Tỷ lệ sinh viên có thực hành đạt về các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 chiếm 88,2%. Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc rửa tay đúng cách thực hiện việc rửa tay thường xuyên có khả năng cao hơn so với các sinh viên không biết về việc rửa tay đúng cách (OR=13,2; 95%CI: 3,1-56,7). Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc đeo khẩu trang đúng cách thực hiện việc đeo khẩu trang thường xuyên có khả năng cao hơn so với các sinh viên không biết về việc đeo khẩu trang đúng cách (OR=19,0; 95%CI: 3,1-105,7). Không có mối liên quan giữa

kiến thức và thực hành khai báo y tế phòng chống dịch bệnh COVID-19. Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về phòng chống dịch COVID-19 có khả năng thực hành đạt cao hơn so với những sinh viên có kiến thức chưa đạt (OR=3,1; 95%CI: 1,6-5,8).

Từ khóa: Thực hành, Dịch COVID-19; Sinh viên điều dưỡng; Thái Bình

ABSTRACT

SOME FACTORS RELATED TO PRACTICE OF COVID-19 PREVENTION BY NURSING COLLEGE STUDENTS, THAI BINH MEDICAL COLLEGE

Objective: Determining factors related to practice of COVID-19 prevention by Thai Binh Medical College's nursing students in 2020.

Method: The epidemiological method is descriptive through a cross-sectional survey.

Results: The proportion of male students (22,7%) was lower than that of female students (77,3%). The percentage of students with successful practice on measures to prevent the COVID-19 epidemic accounted for 88,2%. The proportion of students with knowledge about proper hand washing who perform frequent hand washing was more likely than students who do not know about proper hand washing (OR=13,2; 95%CI: 3,1-56,7). The

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Hà My

Email: hamy0359@gmail.com

Ngày nhận bài: 26/9/2022

Ngày phản biện: 04/10/2022

Ngày duyệt bài: 10/10/2022

percentage of students who had knowledge about correct mask wearing practice wearing masks regularly was more likely than students who did not know about wearing masks properly (OR=19,0; 95%CI: 3,1-105,7). There was no relationship between knowledge and practice of medical declaration for COVID-19 disease prevention. The percentage of students with successful knowledge of COVID-19 epidemic prevention and control was higher than those with poor knowledge (OR=3,1; 95%CI: 1,6-5,8).

Keywords: *Practice, COVID-19 epidemic; Nursing student; Thai Binh*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mười tám năm trước, khi dịch SARS do vi rút Corona bùng phát, chỉ trong 8 tháng, trên toàn thế giới có tổng cộng 8.098 người mắc SARS và căn bệnh này đã giết chết khoảng 775 người tại 29 quốc gia, đồng thời phơi bày ra những rủi ro đối với các hệ thống y tế công cộng trên toàn cầu [1]. Theo WHO, các trường hợp SARS đầu tiên, khi đó được cho là viêm phổi, sau đó được phát hiện là SARS. Virus SAR-CoV-2 là nguyên nhân của các ca bệnh đầu tiên đã được ghi nhận tại thành phố Vũ Hán, Trung Quốc vào tháng 12 năm 2019. Bệnh do vi-rút gây ra được đặt tên là COVID-19 để cho thấy vi-rút được phát hiện vào 2019. Trong khi vào khoảng tháng 4 năm 2020, dịch COVID-19 dường như đã được kiểm soát ở Trung Quốc, thì dịch bệnh lại đang di chuyển nhanh về phương tây với ca lây nhiễm tăng lên một cách chóng mặt qua từng ngày. Nhân loại đang đối mặt với một căn bệnh chưa được hiểu rõ ràng nhưng lại đe dọa nghiêm trọng và gây tử vong cho con người [2], [3].

Trong một số trường hợp, bệnh viện có thể là nguồn mang mầm bệnh chính, vì vi rút được sinh sản nhanh chóng bởi các bệnh nhân nhiễm bệnh và có điều kiện thuận lợi để lây lan cho các bệnh nhân chưa bị nhiễm bệnh. [4] Các bệnh viện thường là những cơ sở thực tập lâm sàng của sinh viên các trường khối ngành Y khoa. Sinh viên Y khoa cũng được coi là đối tượng có nguy cơ cao dễ bị lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm lây qua đường hô hấp. Ngoài ra, Sinh viên y khoa là nguồn lực y tế quan trọng trong tương lai, kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống đại dịch COVID-19 của sinh viên cũng là một trong những vấn đề được nhà trường, Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ Y tế và Chính

phủ quan tâm. Từ thực trạng trên, nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành với mục tiêu:

Xác định một số yếu tố liên quan đến thực hành phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên cao đẳng Điều dưỡng, Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình năm 2020.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, thời gian, đối tượng nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu: Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình.

- Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên cao đẳng Điều dưỡng thuộc hệ chính quy dài hạn của Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình.

- Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ 9/2020 – 7/2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

• Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp dịch tễ học mô tả thông qua cuộc điều tra cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

$$n = Z_{(1-\frac{\alpha}{2})}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Được cỡ mẫu tối thiểu cần cho nghiên cứu 384 đối tượng, thực tế điều tra 422 đối tượng.

* Phương pháp chọn mẫu: Kỹ thuật chọn mẫu phân tầng:

Lập danh sách tất cả các lớp theo từng khối học tương ứng với 3 năm học thuộc hệ Điều dưỡng chính quy thuộc mỗi khối. Cụ thể gồm: 6 lớp/khối x 3 khối. Mỗi khối bốc thăm ngẫu nhiên 5 lớp đưa vào nghiên cứu. Tổng cộng 15 lớp được chọn. Tại mỗi lớp đã được chọn, lựa chọn toàn bộ sinh viên trong các lớp đó đưa vào nghiên cứu. Tổng cộng 422 sinh viên được đưa vào nghiên cứu.

2.3. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

- Tiến hành xây dựng bộ phiếu điều tra và lấy ý kiến các chuyên gia, hướng dẫn điều tra phù hợp với đối tượng và mục tiêu nghiên cứu, thảo luận nhóm để hoàn thiện phiếu điều tra.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia nghiên cứu. Sau đây được gọi là điều tra viên. Thống nhất kỹ thuật phỏng vấn cho đội ngũ điều tra viên.

- Tổ chức thực hiện điều tra thực địa tổng hợp, phân tích đánh giá.

- Đánh giá thực trạng kiến thức, thực hành về phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên Điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Thái Bình: Phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu bằng phiếu điều tra đã được thiết kế sẵn được tiến hành trong tháng 12/2020.

2.4. Sai số và các phương pháp hạn chế sai số

Sai số do ĐTV: Mỗi điều tra viên sẽ có những kỹ năng khác nhau trong khai thác thông tin dễ dẫn đến sai số trong kết quả thu nhận được.

Hạn chế bằng cách tổ chức tập huấn kỹ lưỡng, thống nhất cách ghi nhận số liệu cho toàn bộ điều tra viên trước khi tiến hành nghiên cứu. Các số liệu được phân tầng, chuẩn hóa trước khi xử lý. Khi nhập số liệu, xử lý và phân tích số liệu phải cẩn thận, chắc chắn.

Xử lý số liệu

Làm sạch số liệu từ phiếu. Số liệu được nhập bằng phần mềm Epi data 3.1. Các số liệu thu thập được xử lý theo thuật toán thống kê Y sinh học, sử dụng phần mềm SPSS 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Thông tin chung về sinh viên tham gia nghiên cứu

Thông tin		Số lượng (n = 422)	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	96	22,7
	Nữ	326	77,3
Nhóm tuổi	<20	281	66,6
	≥20	141	33,4

Kết quả tại bảng 1 cho thấy tỷ lệ sinh viên nam chiếm 22,7%, nữ chiếm 77,3%. Trong đó tỷ lệ sinh viên ở nhóm tuổi dưới 20 chiếm cao hơn (66,6%).

Bảng 2. Đánh giá thực hành về phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên

Thực hành	Khối học			Chung (n=422)	p
	Năm 1 (n=193)	Năm 2 (n=119)	Năm 3 (n=110)		
	SL (%)	SL (%)	SL (%)	SL (%)	
Đạt	159 (81,9)	106 (89,1)	108 (98,2)	372 (88,2)	<0,05
Chưa đạt	35 (18,1)	13 (10,9)	2 (1,8)	50 (11,8)	

Tỷ lệ sinh viên có thực hành đạt về phòng chống dịch COVID-19 chiếm 88,2%, trong đó chiếm 81,9% ở đối tượng sinh viên năm 1, chiếm 89,1% ở những sinh viên năm 2 và 98,2% ở những sinh viên năm 3, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 3. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành rửa tay đúng cách phòng chống dịch bệnh COVID-19

Kiến thức	Rửa tay				OR (95%CI)
	Thường xuyên		Không thường xuyên		
	SL	%	SL	%	
Biết	399	98,3	7	1,7	13,2 (3,1-56,7)
Không biết	13	81,3	3	18,8	

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc rửa tay đúng cách thực hiện việc rửa tay thường xuyên có khả năng cao hơn so với các sinh viên không biết về việc rửa tay đúng cách (OR=13,2; 95%CI: 3,1-56,7).

Bảng 4. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành đeo khẩu trang phòng chống dịch bệnh COVID-19

Kiến thức	Đeo khẩu trang				OR (95%CI)
	Thường xuyên		Không thường xuyên		
	SL	%	SL	%	
Biết	406	97,8	9	2,2	19,0 (3,1-105,7)
Không biết	5	71,4	2	28,6	

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc đeo khẩu trang đúng cách thực hiện việc đeo khẩu trang thường xuyên có khả năng cao hơn so với các sinh viên không biết về việc đeo khẩu trang đúng cách (OR=19,0; 95%CI: 3,1-105,7).

Bảng 5. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành khai báo y tế phòng chống dịch bệnh COVID-19

Kiến thức	Khai báo y tế				OR (95%CI)
	Thường xuyên		Không thường xuyên		
	SL	SL	SL	%	
Không biết	9	2	2	81,8	1,7 (0,4-8,4)
Biết	365	46	46	88,8	

Kết quả trình bày tại bảng trên cho thấy không có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành khai báo y tế phòng chống dịch bệnh COVID-19.

Bảng 6. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên

Kiến thức	Thực hành				OR (95%CI)
	Đạt		Chưa đạt		
	SL	SL	SL	%	
Chưa đạt	152	34	34	81,7	3,1 (1,6-5,8)
Đạt	220	16	16	93,2	

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về phòng chống dịch COVID-19 có khả năng thực hành đạt cao hơn so với những sinh viên có kiến thức chưa đạt (OR=3,1; 95%CI: 1,6-5,8).

IV. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ sinh viên nữ cao hơn nhiều so với sinh viên nam (77,3% sinh viên là nữ giới và 22,7% sinh viên là nam giới), kết quả này được thể hiện ở bảng 1. Tỷ lệ đối tượng theo giới tính trong nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong và cộng sự có tỷ lệ sinh viên nữ (80,7%) cao hơn so với sinh viên nam (19,3%) [5]. Sự mất cân bằng về giới trong ngành điều dưỡng không chỉ xảy ra ở riêng Việt Nam mà đây được xem là xu hướng chung của toàn thế giới, trong báo cáo về thực trạng Điều dưỡng Thế giới năm 2020 đã chỉ ra 90% số điều dưỡng trên thế giới là nữ giới.

Trong nghiên cứu này, tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc rửa tay đúng cách thực hiện việc rửa tay thường xuyên chiếm 98,3%, cao hơn so với các sinh viên không biết về việc rửa tay đúng cách (81,3%) ($p < 0,05$, OR: 13,2). Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc đeo khẩu trang đúng cách thực hiện việc đeo khẩu trang thường xuyên chiếm 97,8%, cao hơn so với các sinh viên không biết về việc đeo khẩu trang đúng cách (71,4%) ($p < 0,06$, OR: 19,0).

Nghiên cứu của chúng tôi đưa ra kết quả tương đồng với nghiên cứu của tác giả Minjung Lee, ai có nhận thức cao hơn về vấn đề rửa tay và đeo khẩu trang thì có nhiều khả năng rửa tay thường xuyên hơn và đeo khẩu trang thường xuyên hơn khi ra nơi công cộng [6].

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng chỉ ra được mối liên quan giữa kiến thức và thực hành phòng chống dịch của sinh viên điều dưỡng. Theo đó, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về phòng chống dịch COVID-19 có khả năng thực hành đạt cao hơn so với những sinh viên có kiến thức chưa đạt (OR=3,1; 95%CI: 1,6-5,8).

Một nghiên cứu cắt ngang được thực hiện từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 2 năm 2020 tại Iran, những người tham gia là sinh viên y (năm thứ 5-7) tại Iran có kiến thức, hành vi phòng ngừa và nhận thức rủi ro về COVID-19 được đánh giá bằng cách sử dụng trực tuyến bảng câu hỏi. Bộ câu hỏi gồm 26 câu hỏi trong đó có 15 câu về kiến thức liên quan đến COVID-19 và 9 câu liên quan đến các biện pháp phòng ngừa và 2 mục về nhận thức rủi ro COVID-19. Kết quả: Tổng số 240 sinh viên y khoa đã hoàn thành bảng câu hỏi. Độ tuổi trung bình của những người tham gia là 23,67 tuổi. Trung bình câu trả lời đúng kiến thức là 86,96%; và 79,60%

có kiến thức liên quan ở mức độ cao. Tỷ lệ luyện tập trung bình hành vi phòng ngừa là 94,47%; và 94,2% có thành tích cao trong các hành vi phòng ngừa. Điểm tích lũy của rủi ro nhận thức là 4,08 trên 8 ở mức trung bình. Nhận thức về rủi ro có sự khác biệt đáng kể giữa người trì trệ và người thực tập và giữa những người đang được đào tạo trong phòng cấp cứu (ER) và các khu không cấp cứu. Có một mối tương quan tiêu cực đáng kể giữa các hành vi phòng ngừa và nhận thức rủi ro [7].

Trong nghiên cứu của Zafar Fatmi, kiến thức đầy đủ có liên quan đáng kể với cải thiện thái độ (OR = 1,5–2,0) và thực hành lành mạnh (AOR = 1,5–2,0) [8]. Người tham gia có kiến thức đầy đủ về COVID-19 có khả năng có thái độ tích cực cao hơn (OR: 6,41, 95% CI = 2,34-25,56, $p = 0,000$) và thực hành tốt là kết quả cung cấp sau nghiên cứu của Rajon Banick và cộng sự tại Bangladesh [9].

V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ sinh viên nam (22,7%) thấp hơn so với sinh viên nữ (77,3%).
- Tỷ lệ sinh viên có thực hành đạt về các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 chiếm 88,2%.
- Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc rửa tay đúng cách thực hiện việc rửa tay thường xuyên có khả năng cao hơn so với các sinh viên không biết về việc rửa tay đúng cách (OR=13,2; 95%CI: 3,1-56,7).
- Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc đeo khẩu trang đúng cách thực hiện việc đeo khẩu trang thường xuyên có khả năng cao hơn so với các sinh viên không biết về việc đeo khẩu trang đúng cách (OR=19,0; 95%CI: 3,1-105,7).
- Không có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành khai báo y tế phòng chống dịch bệnh COVID-19.
- Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về phòng chống dịch COVID-19 có khả năng thực hành đạt cao hơn so với những sinh viên có kiến thức chưa đạt (OR=3,1; 95%CI: 1,6-5,8).

VI. KHUYẾN NGHỊ

Tuyên truyền mạnh mẽ về việc cập nhật liên tục các thông tin và thực hiện các biện pháp phòng chống, dịch COVID-19

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO (2004), Summary of probable SARS cases with onset of illness from 1-1-2002 to 31-7-2003.